TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ G** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày: 18 – 02 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Ông **Nguyễn Kiên Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Cẩm T**, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. *(Có mặt)*

- *Bị đơn:* Bà **Phan Thanh T**, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Việt B**, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà **Võ Cẩm T**, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Theo giấy ủy quyền ngày 19 tháng 10 năm 2020. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 09 năm 2020, tại lời khai và phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Việt B, bà Võ Cẩm T trình bày:

Vào khoảng thời gian từ ngày 30 tháng 07 năm 2019 dương lịch đến ngày 15 tháng 08 năm 2019 dương lịch giữa vợ chồng bà T và ông B có cho bà Phan Thanh T mượn nhiều lần với tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Bà T nhận được tiền và có hứa với bà T trong thời hạn 3 ngày đến 4 ngày sẽ trả nhưng không thực hiện.

Nay bà T yêu cầu giải quyết buộc bà T trả số tiền nợ là 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi khi giải quyết, mà chỉ yêu cầu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án khi bà T có đơn yêu cầu.

- Bị đơn bà Phan Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Cẩm T, buộc bà Phan Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Cẩm T và ông Nguyễn Việt B số tiền vay 70.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Bà T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai. Như vậy, bị đơn không thể hiện ý kiến phản đối bằng văn bản đối với yêu cầu nguyên đơn và cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình.

[3]. Mặc dù khi giao dịch không có giấy tờ nhưng vào ngày 10 tháng 8 năm 2020 khi Công an thị xã G lấy lời khai bà T thì bà T thừa nhận có vay tiền của vợ chồng bà T

để mua mỹ phẩm bán, với thời gian và số tiền như bà T trình bày nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên không có tiền trả. Như vậy có đủ căn cứ chứng minh và buộc bà T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng Tú và ông B với số tiền 70.000.000đ.

[4]. Đối với lãi suất:

- Bà T cho rằng đây là tiền mượn nên không có lãi, còn bà T khi Công an thị xã G lấy lời khai thì cho rằng đây là số tiền vay với lãi suất 3.500.000đ/tuần đối với số tiền 70.000.000đ, đồng thời bà T đã đưa cho bà T số mỹ phẩm tương ứng với 10.000.000đ để đóng lãi. Như vậy việc bà T cho rằng tiền vay có lãi nhưng không có căn cứ chứng minh, ngoài ra việc đưa mỹ phẩm không phải là tiền lãi và cũng không có căn cứ chứng minh nên không chấp nhận ý kiến bà T về phần lãi suất.

- Khi khởi kiện, bà T yêu cầu lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2019 nhưng tại phiên tòa bà T rút yêu cầu, việc rút yêu cầu của bà T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần lãi suất.

- Đồng thời việc bà T yêu cầu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án khi bà T có đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Như vậy, bà Phan Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Cẩm T và ông Nguyễn Việt B số tiền vay 70.000.000đ.

[6]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Phan Thanh T phải chịu án phí trên yêu cầu bà T được chấp nhận là: 70.000.000đ x 5% = 3.500.000đ.

- Các đương sự khác không phải chịu án phí, bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ theo biên lai thu tiền số 0002012 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

- Căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Cẩm T;

2. Buộc bà Phan Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Cẩm T và ông Nguyễn Việt B số tiền vay 70.000.000đ.

3. Đình chỉ xét xử đối với việc bà Võ Cẩm T yêu cầu bà Phan Thanh T trả lãi suất từ ngày 30 tháng 8 năm 2019.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà Phan Thanh T phải chịu nộp án phí 3.500.000đ.

- Các đương sự khác không phải chịu án phí, bà Võ Cẩm T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ theo biên lai thu tiền số 0002012 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015".

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn